

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC LỖI PHÁT ÂM TIẾNG VIỆT THƯỜNG GẶP CỦA HỌC VIÊN DỰ KHÓA LÀO - CAMPUCHIA TẠI HỌC VIỆN QUÂN Y NGÔ THỊ TUYẾT* - LÊ VIÊN LAN HƯƠNG**

TÓM TẮT: Việc học phát âm tiếng Việt đối với học viên Lào - Campuchia (L-C) tại Học viện Quân y (HVQY) gặp nhiều trở ngại do nhiều nguyên nhân, trong đó có sự khác biệt giữa hệ thống âm vị của tiếng Việt với tiếng mẹ đẻ. Các lỗi phát âm như sai âm đầu, âm cuối, thanh điệu hay âm đệm và âm chính đều ảnh hưởng lớn đến giao tiếp, khiến người học gặp khó khăn trong việc truyền đạt chính xác ý tưởng. Từ nguyên nhân và thực trạng lỗi phát âm của học viên, bài viết đề xuất một số giải pháp kết hợp giữa lý luận ngôn ngữ học, ứng dụng công nghệ và đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm giúp học viên cải thiện rõ rệt năng lực phát âm, qua đó nâng cao hiệu quả giao tiếp và chất lượng học tập.

TỪ KHÓA: giải pháp; lỗi phát âm tiếng Việt; học viên Lào - Campuchia; Học viện Quân y.

NHẬN BÀI: 05/02/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 24/05/2025

1. Đặt vấn đề

Phát âm giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành kỹ năng giao tiếp và hỗ trợ phát triển kỹ năng nghe hiểu (Brown, 2000). Nhiều nghiên cứu đã khẳng định rằng người học có phát âm không chính xác thường có kết quả nghe và nói thấp hơn so với người học phát âm chuẩn (Ur, 1996). Với học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y, tiếng Việt vừa là ngôn ngữ học tập vừa là công cụ giao tiếp hàng ngày trong môi trường quân y chuyên biệt.

Tuy nhiên, thực tiễn giảng dạy cho thấy, mặc dù được học phát âm ngay từ đầu khóa, phần lớn học viên vẫn gặp nhiều lỗi, từ âm vị đến thanh điệu. Những lỗi này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng biểu đạt mà còn gây hiểu nhầm trong giao tiếp, nhất là trong bối cảnh môi trường học tập tại Học viện Quân y, nơi học viên phải thực hành lâm sàng cùng bệnh nhân và cán bộ y tế Việt Nam. Từ nhu cầu thực tiễn này, bài viết hướng đến mục tiêu: Phân tích, các lỗi phát âm tiếng Việt phổ biến của học viên Lào - Campuchia. Đề xuất giải pháp khắc phục có cơ sở lý luận, dựa trên kết quả khảo sát thực nghiệm và kinh nghiệm giảng dạy thực tế tại Học viện.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm phát âm và lỗi phát âm

Phát âm là một kỹ năng nền tảng trong việc học và sử dụng ngôn ngữ, đóng vai trò quyết định đến khả năng giao tiếp hiệu quả. Theo Dalton & Seidlhofer (1994, tr.3), [10], phát âm được hiểu là quá trình tạo ra âm thanh ngôn ngữ mang nghĩa, bao gồm các yếu tố như âm vị, trọng âm, nối âm, ngữ điệu. Phát âm không chỉ là “phát ra âm đúng” mà còn là một dạng biểu hiện ngữ nghĩa qua giọng nói - yếu tố cốt lõi để người nghe hiểu đúng thông tin.

Trong ngữ cảnh học ngoại ngữ, lỗi phát âm là hiện tượng người học phát âm sai hoặc lệch chuẩn so với hệ thống âm vị của ngôn ngữ đích, làm thay đổi hoặc làm mờ nghĩa của từ, gây khó khăn trong giao tiếp hoặc hiểu sai thông điệp. Phân biệt giữa “lỗi” và “sai sót” là rất quan trọng trong nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng. Theo Brown (2000, tr.218) [8]: Lỗi là hệ thống, lặp lại, phản ánh năng lực ngôn ngữ trung gian, thường do người học chưa biết quy tắc đúng. Sai sót là lỗi tạm thời, do mất tập trung, mệt mỏi hay sơ suất, ngay cả người bản ngữ cũng có thể mắc. Trong ngữ âm học, lỗi phát âm thường là lỗi có hệ thống, xuất phát từ: Ảnh hưởng tiếng mẹ đẻ; Nhận thức sai về cấu trúc âm vị của ngôn ngữ đích, Hoặc thiếu luyện tập, phản hồi, và môi trường âm thanh chuẩn.

*Học viện Quân y Việt Nam; Email: tuyetk84@gmail.com

**TS; Học viện Quân y Việt Nam; Email: levienlanhuongk84@gmail.com

2.2. Cấu trúc âm tiết tiếng Việt

Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn tiết, mỗi âm tiết vừa là đơn vị ngữ âm, vừa là đơn vị hình thái và từ vựng, có cấu trúc nội tại chặt chẽ. Theo Nguyễn Hưng Quốc (2014, tr.62) trong cuốn Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai, một âm tiết tiếng Việt tiêu chuẩn bao gồm năm thành tố cấu thành như sau: âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối và thanh điệu. Các thành tố này đều có vai trò khu biệt âm tiết, từ đó định nghĩa nghĩa của từ. Có thể giải thích sơ lược các thành tố âm tiết tiếng Việt như sau:

Thành tố	Vai trò
Âm đầu	Phụ âm khởi đầu âm tiết, có tác dụng khu biệt từ: ba - ca - ma.
Âm đệm	Âm tròn môi chuyển tiếp giữa âm đầu và âm chính, như trong: loan.
Âm chính	Thành phần hạt nhân - mang trọng âm và là trung tâm nghĩa của âm tiết.
Âm cuối	Phụ âm đóng kết âm tiết, giúp phân biệt: bát - bác - ban.
Thanh điệu	Tác dụng ngữ nghĩa cao, khu biệt từ có âm giống nhau: ma, má, mã

Cấu trúc 5 thành tố này khiến tiếng Việt có độ khu biệt âm tiết rất cao, nhưng đồng thời cũng gây khó khăn cho người học không có hệ thống âm tiết tương tự (như người Lào, Khmer, Thái...).

2.3. Một số lỗi phát âm tiếng Việt thường gặp của học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y

Dựa trên cơ sở lý thuyết về cấu trúc âm tiết tiếng Việt do Nguyễn Hưng Quốc (2014) [3] đề xuất - trong đó một âm tiết bao gồm năm thành tố: âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối và thanh điệu - chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực nghiệm trên 100 học viên Lào - Campuchia hiện đang theo học chương trình tiếng Việt tại Học viện Quân y.

Kết quả khảo sát cho thấy, toàn bộ học viên được khảo sát đều mắc lỗi phát âm, tuy mức độ và số lượng lỗi của từng cá nhân không hoàn toàn giống nhau. Tuy nhiên, các lỗi đều tập trung rõ rệt vào 5 nhóm chính, tương ứng với năm thành tố của âm tiết tiếng Việt: Lỗi phát âm phụ âm đầu, lỗi phát âm âm đệm, lỗi phát âm âm chính, lỗi phát âm âm cuối và lỗi phát âm thanh điệu.

Như vậy, có thể khẳng định rằng các lỗi phát âm của học viên Lào - Campuchia không phải là hiện tượng ngẫu nhiên mà là có tính hệ thống, liên quan chặt chẽ đến đặc điểm ngữ âm của tiếng mẹ đẻ và độ tương thích về mặt âm vị học giữa hai ngôn ngữ. Đây cũng chính là cơ sở để xây dựng các giải pháp sư phạm mang tính đối chiếu và ứng dụng trong các phần sau của bài viết.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 100 học viên Lào - Campuchia (18-25 tuổi), đang học tiếng Việt tại Học viện Quân y (các khóa 53, 54, 55). Dữ liệu được thu thập qua ba công cụ chính: bảng câu hỏi, thu âm bài đọc và phân tích lỗi phát âm theo phương pháp đối chiếu âm vị học.

Các lỗi được nhận diện và phân loại theo 5 nhóm thành tố âm tiết tiếng Việt: âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối và thanh điệu. Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS 15.0 nhằm xác định tần suất, tỉ lệ mắc lỗi và mối liên hệ với yếu tố ngôn ngữ mẹ đẻ. Dữ liệu định tính (ghi âm) được phân tích theo mô hình lỗi để đưa ra định hướng giải pháp khắc phục.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

4.1. Lỗi phát âm âm đầu

Dựa trên kết quả khảo sát 100 học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y, cho thấy học viên phát âm sai một hoặc nhiều âm đầu tiếng Việt, chiếm tỉ lệ khá cao. Đây là một trong những nhóm lỗi phổ biến nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng giao tiếp vì âm đầu là yếu tố khởi phát của âm tiết, giữ vai trò khu biệt từ vựng trong tiếng Việt.

4.1.1. Lỗi biến âm và lược bỏ âm đầu

a. Lỗi biến âm

Hiện tượng thay thế phụ âm đầu xảy ra do học viên sử dụng hệ thống âm vị tiếng mẹ đẻ (Lào hoặc Khmer) để phát âm tiếng Việt, dẫn đến các biến âm sai chuẩn. Các âm tiếng Việt không tồn tại hoặc có hình thức gần giống trong tiếng mẹ đẻ dễ bị thay thế sai. Các dạng biến âm phổ biến.

Bảng 1. Lỗi phát âm phụ âm đầu trong TV theo kiểu biến âm của học viên L-C

STT	Âm đầu tiếng Việt	Kiểu lỗi	Số lượng (%)	Ví dụ (ghi bằng chữ)	
				Tiếng Việt	Lỗi phát âm
1	/z/ r	/z/ d	86 (86%)	rỗng, rồi, ra, rừng	đỗng, dôi, da, dưng
2	/s/ s	/s/ x	75 (75%)	sung sướng	xung xướng
3	/b/ b	/p/ p	75 (75 %)	buồn, bón, bao, biết	puồn, pón, pao, piết
4	/d/ đ	/t/ t	74 (74%)	đầu, đồng, đấng	tầu, tông, táng
5	/c/ ch	/ts/ tr	60 (60%)	chờ, chưa	trờ, trua
6	/t/ tr	/c/ ch	56 (56%)	trong, trời, trách	chong, chờ, chách
7	/x/ kh	/h/ h	9 (9%)	không, khu, khám	hông, hu, hám
		/x"/ (bật hơi)	43 (43%)	không, khu, khám	kh"ông, kh"u, kh"ám
8	/y/ g	/k/ c, k	17 (17%)	gà, ghé	cà, ké
		/ŋ/ ng	25 (25%)	gà, ghé	ngà, nghé
9	/n/ nh	/n/ n	24 (24%)	nhà, nhau, nhiên	nà, nau, niên
10	/ŋ/ ng	/n/ n	18 (18%)	ngân, ngoan,	nân, noan
11	/p/ p	/p"/ ph	13 (13%)	Sa pa, Phan xi Păng	Sa p"a, Phan xi P"ăng
12	/l/ l	/n/ n	11 (11%)	lại, là, lúc, làm	nại, nà, núc, làm
13	/z/	/j/ (phụ âm mặt lưỡi)	10 (10%)	dài, dưới,	jài, jười

Có 13/27 âm vị phụ âm đầu trong tiếng Việt bị học viên Lào - Campuchia phát âm mắc lỗi theo kiểu biến âm. Có nghĩa là một số phụ âm không bật hơi phát âm thành phụ âm bật hơi như: p, t, th, s, x... và một số phụ âm khi phát âm chuyển từ âm này sang âm khác như: kh, h, ng, g,...

b) Lỗi lược bỏ âm

Bảng 2. Lỗi phát âm phụ âm đầu trong TV theo kiểu lược bỏ phụ âm đầu của HV Lào - Campuchia

STT	Âm đầu tiếng Việt	Lỗi phát âm của HV	Số lượng (%)	Ví dụ (ghi bằng chữ)	
				Tiếng Việt	HV L-C phát âm
1	/y/ g	Không phát âm	17 (17%)	gào, gây, ghé	ào, ây, ế
2	/ŋ/ ng	Không phát âm	11(11%)	ngoan, người	oan, ười

Kết quả bảng 2 cho thấy, có 17/100 học viên phát âm phụ âm /y/ mắc lỗi kiểu lược bỏ âm, chiếm 17%. Phụ âm /ŋ/ có 11 học viên phát âm mắc lỗi lược bỏ âm trong âm tiết, chiếm 11%.

4.1.2. Giải pháp khắc phục lỗi phát âm âm đầu

Lỗi phát âm phụ âm đầu (initial consonants) là một trong những lỗi phổ biến nhất của học viên Lào - Campuchia do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và sự thiếu tương thích giữa hai hệ thống âm vị. Để sửa lỗi hiệu quả, cần triển khai giải pháp đa chiều, kết hợp giữa lý thuyết âm vị học đối chiếu, thực hành cảm nhận âm thanh, phản xạ khẩu hình, và ứng dụng công nghệ.

Thứ nhất, Phân tích đối chiếu ngữ âm tiếng mẹ đẻ - tiếng Việt:

Giáo viên cần làm rõ các điểm tương đồng và khác biệt giữa phụ âm đầu trong tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt để học viên nhận diện nguyên nhân gây lỗi. Việc đối chiếu ngôn ngữ giúp học viên tự ý thức được ảnh hưởng tiêu cực của tiếng mẹ đẻ, một hình thức chuyển di tiêu cực (Brown, 2000).

Ví dụ: Một số học viên khó phân biệt /c/ ch và /t/ tr hoặc /b/ b và /p/ p do trong tiếng mẹ đẻ không có tương phản bật hơi/ hữu thanh. Vì vậy giáo viên nên lập bảng đối chiếu phụ âm đầu giữa tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ, xác định các cặp âm có nguy cơ sai cao và đưa vào kế hoạch giảng dạy có trọng tâm.

Thứ hai, Luyện tập cặp từ tối thiểu :

Cặp từ tối thiểu là hai từ chỉ khác nhau duy nhất ở một âm vị và thường được dùng để luyện phân biệt âm thanh trong dạy phát âm.

Ví dụ các cặp luyện âm đầu: “bá - pá” : /b/ - /p/; “cha - tra”: /c/ - /t/ ; “gà - cà”: /g/ - /k/; “ra - da”: /r/ - /d/; “đây - tây” : /d/ - /t/.

Giáo viên và học viên có thể thực hành theo các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Giáo viên phát âm - học viên chọn từ đúng;

Giai đoạn 2: Học viên phát âm - giáo viên nghe phân biệt;

Giai đoạn 3: Đặt từ vào cụm từ/ câu để tăng khả năng ghi nhớ ngữ cảnh. Dạng bài tập này giúp học viên phân biệt hai âm gần nhau về khẩu hình và vị trí phát âm.

Thứ ba, Ứng dụng công nghệ:

Việc ứng dụng các công cụ công nghệ là giải pháp thiết thực, đặc biệt trong lớp học đông, nơi giáo viên khó sửa lỗi cá nhân cho từng học viên. Một số công cụ khuyến nghị như: Elsa Speak: Phân tích giọng nói AI, phản hồi theo từng âm vị, có giao diện tiếng Việt. Google Pronunciation Practice (trên từ điển Google): So sánh giọng người học với giọng mẫu chuẩn. YouTube Transcript + Playback: Giúp học viên nghe lại các cụm từ chuẩn. Việc áp dụng các công cụ này giúp học viên tự đánh giá và sửa lỗi, tạo vòng phản hồi nhanh. Hạn chế phụ thuộc vào giáo viên, tăng thời gian luyện tập ngoài lớp.

Thứ tư, Trò chơi nhóm - kết hợp giao tiếp

Các hoạt động giao tiếp có kiểm soát giúp tăng phản xạ phát âm trong môi trường tương tác, thay vì luyện đơn lẻ. Giáo viên và học viên có thể tiến hành bằng các cách sau:

Cách 1: Nói từ bằng phụ âm đầu. Học viên A: “cha”. Học viên B phải nói từ bắt đầu bằng “a”: “anh”. Học viên C phải nói “nh” → “nhà”. Phương pháp này giúp duy trì chuỗi, tăng phản xạ với phụ âm đầu;

Cách 2: Phát hiện lỗi giọng đọc. Giáo viên chuẩn bị đoạn ghi âm sai âm đầu. Học viên nghe - gạch chân lỗi - sửa lại đúng → trao đổi nhóm. Cách này phát triển kỹ năng nhận diện lỗi - tự sửa lỗi và tạo động lực học trong môi trường hợp tác.

Thứ năm, Luyện tập phản xạ khẩu hình:

Phát âm đúng phụ âm đầu đòi hỏi kiểm soát vị trí lưỡi, môi, hàm và dây thanh. Nhiều lỗi xảy ra vì học viên không quan sát được khẩu hình chuẩn hoặc không cảm nhận được vị trí phát âm.

Giáo viên hướng dẫn học viên quan sát trực tiếp bằng gương hoặc camera. Mỗi học viên sử dụng gương cầm tay hoặc camera trước điện thoại để quan sát khẩu hình trong khi luyện âm.

Giáo viên mô phỏng khẩu hình mẫu, ví dụ:

/b/ b: hai môi khép - bật ra nhẹ,

/z/r/ lưỡi rung nhẹ đầu

Học viên nhìn và bắt chước.

Giáo viên nên mô tả cụ thể, ví dụ:

“Đặt lưỡi sau răng cửa trên - rung nhanh như đánh đàn” (đối với /z/);

“Ngậm môi - thổi hơi mạnh mà không phát âm” (đối với /p/).

Luyện âm đơn → từ → cụm từ:

Bắt đầu từ âm vị đơn lẻ, ví dụ: /y/ b, /y/ g, - /t/ tr),; yêu cầu học viên phát âm nhiều lần để cơ miệng làm quen. Sau đó ghép vào từ: “bò”, “gà”, “trà”. Cuối cùng đưa vào cụm từ hoặc câu ngắn dễ tăng phản xạ trong ngữ cảnh: “Bà bán bò”, “Chị gà trưa nay”, “Trà xanh thơm lòng”.

Kết hợp với biểu đồ khẩu hình và tài liệu hình ảnh: Sử dụng hình ảnh minh họa khẩu hình (mouth diagrams) cho từng âm giúp học viên hình dung chính xác các thao tác miệng - lưỡi - môi. Ví dụ:

Âm /ŋ/ ng: vòm mềm nâng, lưỡi đẩy sát gốc → hơi thoát qua mũi.

Âm /t/ tr: đầu lưỡi chạm chân răng trên, bật mạnh ra. Giáo viên nên treo bảng khẩu hình toàn diện trong lớp học, hoặc phát thẻ hình cá nhân để học viên đối chiếu thường xuyên.

4.2. Lỗi phát âm âm chính

4.2.1. Lỗi phát âm nhóm nguyên âm đôi

Tiếng Việt có 3 cặp nguyên âm đôi là: /iê-ia, ua -uô, ư-ơ/

Bảng 3. Lỗi phát âm các nguyên âm đôi trong tiếng Việt của HV Lào - Campuchia

STT	Các nguyên âm đôi tiếng Việt	Lỗi phát âm của HV	Số lượng (%)	Ví dụ (ghi bằng chữ)	
				Tiếng Việt	HV phát âm
1	/ie/	Không phát âm /e/	70 (70%)	điều, hiền, việc	đều, hên, vệc
2	/uɤ/	Không phát âm /ɤ/	38 (38%)	lừa, xưa, ngưỡng	lờ, xơ, ngưỡng
3	/uo/	Không phát âm /o/	33 (%)	buôn, nuôi	bôn, nôi

Kết quả bảng 3 cho thấy, có ba nguyên âm đôi trong tiếng Việt bị học viên Lào - Campuchia phát âm sai. Hình thức phát âm đều cùng một kiểu, đó là lỗi lược bỏ bớt âm.

4.2.2. Lỗi phát âm nhóm nguyên âm đơn

Cũng như nhóm nguyên âm đôi, tất cả nhóm nguyên âm đơn trong tiếng Việt đều bị một số học viên Lào - Campuchia phát âm sai. Khác với kiểu lỗi phát âm nhóm nguyên âm đôi (lỗi lược bỏ âm), lỗi phát âm các nguyên âm đơn đều là kiểu biến âm.

Bảng 4. Lỗi phát âm các nguyên âm đơn trong tiếng Việt của HV Lào - Campuchia

STT	Nguyên âm đơn tiếng Việt	Lỗi phát âm của học viên	Số lượng%	Ví dụ (ghi bằng chữ)	
				Tiếng Việt	HV phát âm
1	/a/	/ɛ/	17 (17%)	anh, cảnh	eng, keng
2	/ɤ/	/ɤ/	28 (18%)	cân, hận	cơn, hợn
3	/ɔ/	/ɔ/	12 (12%)	trong, học	troong, hoọc
		/o/	13 (13%)	móc, lọc	mốc, lợc
4	/ã/	/a/	21 (21%)	bằng, chắc	bàng, chác
5	/ɔ/	/o/	82 (82%)	con, có, nó	côn, cồ, nồ
6	/u/	/ɤ/	43 (43%)	đức, như, cứ	đợc, nhơ, cớ
7	/a/	/ã/	6 (6%)	bán, bàn, tán	bắ, bắ, tắ
8	/e/	/ɛ/	1 (1%)	lễ	lễ

Bảng 4 cho thấy, lỗi biến âm thường xảy ra khi học viên không kiểm soát được độ mở miệng, vị trí lưỡi hoặc khả năng kéo dài âm. Ví dụ: âm /ɔ/ (tròn môi, mở rộng) bị chuyển thành /ô/ (tròn môi, nhưng khép hơn), gây ra sự sai biệt về nghĩa (ví dụ: “con” và “côn”).

4.2.2. Giải pháp khắc phục

1) Dạy nguyên âm đôi bằng biểu đồ khẩu hình:

Nguyên âm đôi trong tiếng Việt như /ie/, /ux/, /uo/ đòi hỏi sự chuyển động mượt mà của lưỡi và môi từ vị trí đầu sang vị trí kết thúc, điều mà người học thường chưa có kỹ năng thực hiện.

Giải pháp: Sử dụng biểu đồ khẩu hình minh họa vị trí môi - lưỡi - độ mở miệng. So sánh các cặp âm tương đồng nhưng khác về mặt khẩu hình và đặc tính âm học, ví dụ: /ɛ/ a - /ə/ ă: khác về độ dài và độ mở; /ɔ/ o - /o/ ô: khác về vị trí môi và độ tròn; /ie/ iê - /ɛ/ e: khác về chuyển động và kéo dài. Giáo viên phát âm mẫu từng bước: âm đầu - chuyển động - âm cuối trong nguyên âm đôi.

Học viên dùng gương hoặc camera để theo dõi miệng - lưỡi → lặp lại chậm → tăng tốc dần.

2) Tập đọc đoạn văn mục tiêu:

Đọc đoạn văn có chủ đích là phương pháp hiệu quả giúp học viên luyện phát âm trong ngữ cảnh ngôn ngữ thật, với sự lặp lại có kiểm soát các âm khó. Giáo viên biên soạn đoạn văn ngắn (~2-4 câu) tập trung vào các nguyên âm thường bị sai. Ví dụ: đoạn văn luyện /ie/, /ux/, /uo/:

“Con buôn bán cá rô ở chợ. Chiều nay, chị ấy muốn mua cua và tôm để nấu bún”.

Học viên đọc chậm - ghi âm - nghe lại;

So sánh với bản mẫu giáo viên hoặc phần mềm chuẩn;

Giáo viên phân tích lỗi cụ thể, nhấn mạnh chỗ sai;

Mỗi học viên chọn một nguyên âm mục tiêu/ tuần, luyện riêng.

Dạng bài luyện này giúp học viên gắn âm với nghĩa; rèn kỹ năng nghe - nói - tự kiểm tra cùng lúc; tăng tính cá nhân hóa trong luyện phát âm.

3) Bài tập nghe - ghi âm - so sánh:

Đây là kỹ thuật phản hồi vòng kín, giúp học viên tự đánh giá và cải thiện phát âm dựa trên đối chiếu trực tiếp với giọng mẫu. Học viên nghe từ mẫu chuẩn (qua giáo viên hoặc phần mềm). Phát âm lại - ghi âm bằng Audacity, Zalo AI, Google Recorder. So sánh 2 bản ghi âm, xác định điểm sai khác. Giáo viên sửa lỗi, học viên luyện lại 3-5 lần. Cánh làm này giúp học viên nghe chính giọng mình và nhận biết chênh lệch. Rèn kỹ năng tự hiệu chỉnh mà không quá phụ thuộc vào giáo viên.

4) Bảng luyện âm chính theo nhóm âm

Tổ chức luyện phát âm theo nhóm âm tương đồng, giúp học viên dễ so sánh, đối chiếu, ghi nhớ từ đó hình thành “trường âm vị” rõ ràng.

Ví dụ:

Nhóm âm	Cặp luyện tập tiêu biểu
/ɛ/ a - /ə/ ă - /ɐ/ â	“ba - bắn - bận”, “ta - tắt - tất”
/ɛ/ e - /e/ ê - /i/ i	“mẹ - mê - mi”, “ve - về - vi”
/ɔ/ o - /o/ ô - /u/ u	“lò - lô - lu”, “nọ - nô - nu”
Nguyên âm đôi: /ie/, /ux/, /uo/	“việc - vệc”, “buôn - bôn”, “xưa - xơ”

Trong mỗi buổi học, dành khoảng 5-7 phút để luyện một nhóm âm cụ thể. Học viên thực hành cá nhân trước, sau đó đối chiếu với nhóm để điều chỉnh phát âm. Việc luyện âm nên gắn với các câu chứa âm tiêu điểm và kết hợp với vốn từ vựng đã học nhằm tránh tình trạng học tách biệt, rời rạc

4.3. Lỗi phát âm âm đệm

4.3.1. Hình thức mắc lỗi

Trong cấu tạo âm tiết tiếng Việt, ở vị trí âm đệm có hai âm vị là /u/ và /o/. Kết quả điều tra cho thấy, học viên Lào - Campuchia mắc lỗi phát âm âm đệm không nhiều, chỉ có 7/100 học viên phát âm thành tố này của âm tiết không đúng.

Bảng 5. Lỗi phát âm âm đệm TV của HV Lào - Campuchia

STT	Âm đệm tiếng Việt	Số lượng (%)	Ví dụ (ghi bằng chữ)	
			Tiếng Việt	HV phát âm
1	/w/	7 (7%)	ngoan, thuận, ngoảnh	ngan, thận ngảnh
		7 (7%)	tuần	toàn

Hình thức mắc lỗi phát âm âm đệm tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia cũng chỉ có 2 kiểu, đó là kiểu lược bỏ âm trong âm tiết (tức là những âm tiết có âm đệm thường bị học viên Lào - Campuchia lược bỏ âm đệm, hoặc nhầm giữa âm đệm u và o.

4.3.2. Giải pháp khắc phục

Giáo viên cần triển khai các hoạt động luyện tập kết hợp nhận thức âm học, thao tác khẩu hình và phản xạ giao tiếp, nhằm giúp học viên vừa nhận biết đúng âm đệm vừa phát âm chính xác.

1) Bài tập nghe - đánh dấu âm đệm:

Giáo viên cung cấp bản ghi âm chuẩn của các từ có hoặc không có âm đệm. Học viên nghe và đánh dấu vào bảng kiểm.

Từ	Có âm đệm? (✓/X)
Loan	✓
Lan	X
tuần	✓
Toàn	X

Sau đó, học viên luyện phát âm lại những từ có âm đệm, quan sát độ tròn môi bằng gương, ghi âm và nghe lại. Hoạt động này giúp học viên hình thành liên kết giữa âm thanh - thị giác - khẩu hình, hỗ trợ việc ghi nhớ và phản xạ.

2) Bài tập điền âm đệm vào chỗ trống:

Giáo viên cung cấp đoạn văn đã lược bỏ âm đệm, học viên cần điền lại âm phù hợp dựa trên ngữ cảnh và cấu trúc từ.

Ví dụ: Câu đúng: Anh **tuần** trước đi **ngoan** núi để săn ảnh.

Câu đề bài: Anh t __ ần trước đi ng __ n núi để săn ảnh.

Hoạt động này giúp học viên hiểu rõ từ nào cần âm đệm để phát âm đúng; Đây là giải pháp có tính nhận thức cao, giúp học viên hiểu được âm đệm không phải là phần thừa, mà là phần tạo nghĩa và cấu trúc cho âm tiết tiếng Việt.

3) Trò chơi “Âm đệm ẩn giấu”:

Luyện phân loại và phản xạ nhanh với âm đệm trong môi trường tương tác nhóm.

Cách tổ chức: Giáo viên đọc hoặc bật ghi âm một chuỗi từ hỗn hợp: *ngoan, lan, toàn, tuần, ngan, lo, lon, loan...* Học viên phân loại theo nhóm:

Nhóm A - Có âm đệm	Nhóm B - Không có âm đệm
Loan	lan
tuần	toàn
Ngoan	ngan

Có thể tổ chức hoạt động thi đua theo nhóm và ghi điểm nhanh để tạo phản xạ nhận diện âm đệm một cách tự nhiên. Phương pháp này mang lại nhiều lợi ích thiết thực: giúp tăng khả năng xử lý âm thanh theo nhóm; hỗ trợ học viên tự hệ thống hóa kiến thức về âm tiết có âm đệm; đồng thời tạo ra một môi trường học tập nhẹ nhàng, không gây áp lực, phù hợp với tâm lý tiếp nhận ngôn ngữ của người học.

4) Luyện khẩu hình qua gương

Luyện khả năng điều chỉnh khẩu hình để thể hiện âm đệm một cách rõ ràng, chính xác. Kỹ thuật áp dụng là học viên sử dụng gương cầm tay hoặc camera điện thoại để quan sát khẩu hình khi phát âm các từ có âm đệm như: tuần, ngoan, loan, suốt, chuông... Khi quan sát, cần chú ý: môi tròn ra ở phần đầu âm tiết (với các âm /u/, /ɔ/ /o/), sau đó chuyển nhanh sang âm chính (/ɛ /, /ɐ/ /ə/). Ví dụ: “loan”: Bước 1 - môi tròn khi phát (u); Bước 2 - môi mở dần sang (a); Bước 3 - khép nhanh ở âm cuối (n). Phương pháp này có tác dụng tăng cường ý thức thị giác hóa âm vị, giúp học viên ghi nhớ rõ quy trình vận động khẩu hình khi phát âm âm tiết, đặc biệt phù hợp với những người học theo kiểu cảm giác vận động.

4.4. Lỗi phát âm âm cuối

- Lỗi phát âm theo kiểu biến âm:

Bảng 6. Lỗi phát âm các phụ âm cuối của HV Lào - Campuchia theo kiểu biến âm

STT	Âm vị tiếng Việt	Lỗi phát âm của HV	SL %	Ví dụ	
				Tiếng Việt	HV phát âm
1	/t/	/k/	75 (75%)	một, chết, tốt	mộc, chếc, tót
2	/p /	/k/	63 (63%)	bóp, đẹp, hấp	bóc, đẹc, hắc
3	/m/	/n/	27 (27%)	tham, năm, hôm	than, năn, hôn
		/ɲ/	22 (22%)	tham, năm, cơm	thang, năng, cong
4	/ɲ/	/n/	36 (36%)	nhánh, lành, bụng, tiếng	nhan, làn, bụn, tiến
5	/c/	/k/	12 (12%)	cách, trách, khách	kéc, tréc, khéc

Bảng 6 cho thấy, trong số 8 âm vị phụ âm cuối tiếng Việt, có 5 phụ âm cuối bị học viên Lào - Campuchia phát âm mắc lỗi theo kiểu biến âm. Đó là các phụ âm: /p/, /t/, /m/, /c/ và phụ âm / ɲ /. Số học viên mắc lỗi các phụ âm cuối loại này chiếm tỉ lệ khá cao. Cụ thể, có phụ âm tới 75 học viên mắc lỗi, chiếm tỉ lệ 75% (75/100).

- Lỗi lược bỏ phụ âm cuối

Bảng 7. Lỗi phát âm các phụ âm cuối của HV L-K theo kiểu lược bỏ âm trong âm tiết

STT	Âm vị tiếng Việt	Lỗi phát âm của học viên	SL (%)	Ví dụ	
				Tiếng Việt	HV phát âm
1	/ɲ/	Không phát âm	11 (11%)	chúng, những, bỗng	chú, nhữ, bỗ
2	/n/	Không phát âm	7 (7%)	buôn bán, khôn, quên	bua bá, khô, quê

Theo kết quả điều tra, những phụ âm cuối tiếng Việt mà học viên Lào - Campuchia lược bỏ khi phát âm âm tiết không nhiều lắm (2/8 âm cuối). Số học viên mắc lỗi kiểu này cũng chiếm tỉ lệ nhỏ: 18% (chỉ có 18/100 học viên).

4.4.3. Giải pháp khắc phục lỗi phát âm âm cuối

a) Luyện phát âm có hướng dẫn - theo từng nhóm âm cuối

Việc phân loại âm cuối thành các nhóm theo đặc điểm ngữ âm giúp giáo viên tổ chức hoạt động luyện tập một cách có trọng tâm và hiệu quả. Cụ thể, có thể chia thành ba nhóm chính: âm vang mũi (/m/, /n/, /ŋ/), âm tắc vô thanh (/t/, /p/, /k/) và âm tắc xát vòm mềm (/ch/). Quy trình luyện tập bao gồm các bước: phân tích khẩu hình (tập trung vào vị trí lưỡi, môi, khả năng bật hơi và ngắt âm), sau đó học viên dùng gương soi để quan sát trực tiếp khẩu hình khi phát âm từng âm cụ thể. Tiếp theo là bước ghép từ, ví dụ: âm /t/ trong từ “một”, /m/ trong “thăm”, /k/ trong “bác”. Cuối cùng, đặt từ vào trong câu ngắn như: “Một cơn gió mát.” nhằm giúp học viên ghi nhớ trong ngữ cảnh thực tiễn.

b) Bài tập cặp từ tối thiểu

Cặp từ tối thiểu là công cụ then chốt để giúp học viên nhận diện âm cuối và hiểu ảnh hưởng của nó đến nghĩa từ.

Cặp từ	Khác biệt về nghĩa
“một” - “mô”	số đếm và âm vô nghĩa
“bóp” - “bó”	động từ và danh từ
“buôn” - “bua”	động từ và từ sai

Cách luyện tập được thực hiện theo trình tự: giáo viên đọc, học viên nghe và chọn từ đúng. Sau đó, học viên đọc lại, ghi âm phần phát âm của mình và so sánh với mẫu chuẩn. Quá trình này diễn ra theo chuỗi: nghe - phát âm - phản hồi - ghi âm - sửa lỗi. Phương pháp luyện tập này đặc biệt hiệu quả trong việc giúp học viên nhận diện rõ sự khác biệt ngữ nghĩa do âm cuối tạo ra, từ đó nâng cao độ chính xác trong phát âm và khả năng hiểu ngôn ngữ nói.

c) Trò chơi “Nối từ bằng âm cuối”

Đây là hoạt động tăng phản xạ phát âm và vận dụng giao tiếp trong môi trường kiểm soát âm vị.

Cách thực hiện: Học viên A nói: “thăm” (/m/). Học viên B phải bắt đầu từ bằng /m/: “mắt”. Tiếp tục: “tay” → “yên” → “nôn” → “nát”... Mỗi từ nối phải đúng về nghĩa và ngữ âm, từ đó làm tăng động lực và chú ý khẩu hình, âm thanh cuối. Trò chơi này giúp học viên ý thức rõ vai trò âm cuối trong chuỗi âm tiết;

d) Dùng kỹ thuật ngắt nhịp khi đọc

Đọc ngắt nhịp là một phương pháp hiệu quả giúp học viên tập trung vào từng âm tiết khi đọc, đặc biệt là âm cuối - thành phần thường bị nuốt hoặc bỏ qua khi nói nhanh. Cách tổ chức rất đơn giản: giáo viên hướng dẫn học viên đọc đoạn văn một cách chậm rãi, ngắt nhịp sau từng từ. Ví dụ: “Một - cơn - mưa - to - đổ - xuống - làng - tôi.”. Phương pháp này mang lại nhiều lợi ích thiết thực như: tăng khả năng giữ âm cuối rõ ràng, giúp học viên có thời gian chuẩn bị khẩu hình và bật hơi đúng cách. Đây là hình thức luyện tập đặc biệt phù hợp cho người mới bắt đầu, nhằm xây dựng nền tảng phát âm vững chắc.

e) Ứng dụng công nghệ ghi âm - phân tích sóng âm

Công nghệ hỗ trợ đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người học thị giác hóa âm thanh - điều mà nhiều học viên khó cảm nhận chính xác bằng thính giác nếu không được huấn luyện kỹ lưỡng. Một số công cụ có thể sử dụng trong luyện phát âm bao gồm: Praat - phần mềm chuyên sâu để phân tích sóng âm; Audacity - công cụ dễ sử dụng cho việc cắt và chỉnh sửa đoạn ghi âm; Zalo AI hoặc Google Recorder - các ứng dụng tiện lợi trên điện thoại cho việc ghi và phân tích âm thanh cơ bản.

Quy trình thực hiện như sau: học viên đọc các từ như “một”, “bác”, “chúc”... sau đó ghi âm và quan sát biểu đồ sóng hiển thị. Mục tiêu là xác định xem có đỉnh sóng xuất hiện ở phần cuối âm tiết hay không (dấu hiệu cho thấy có phát âm âm cuối). Học viên so sánh với mẫu chuẩn, nhận phản hồi từ giáo viên, sau đó luyện lại để điều chỉnh phát âm. Ưu điểm nổi bật của phương pháp này là khả năng tạo phản hồi ngay lập tức với hình ảnh trực quan, đồng thời cho phép học viên tự kiểm tra và điều chỉnh phát âm ngay cả khi học một mình.

4.5. Lỗi phát âm thanh điệu

4.5.1. Hình thức mắc lỗi

Tiếng Việt là ngôn ngữ đa thanh điệu. Mỗi thanh đều tham gia vào cấu tạo âm tiết và tạo nghĩa cho từ. Hiện tượng phát âm không đúng các thanh tiếng Việt cũng khá phổ biến ở học viên Lào - Campuchia. Theo kết quả điều tra, trong số 6 thanh điệu của tiếng Việt thì có 4 thanh học viên Lào - Campuchia thường phát âm mắc lỗi, đó là các thanh: thanh ngã, thanh hỏi, thanh sắc và thanh nặng.

Bảng 8. Lỗi phát âm thanh điệu tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia

STT	Kiểu lỗi thanh điệu	Tỉ lệ HV mắc lỗi (%)	Tỉ lệ HV không mắc lỗi (%)
1	Thanh không dấu	0%	0%
2	Thanh huyền -> Thanh không	3%	97%
3	Thanh ngã -> Thanh sắc	55%	45%
4	Thanh ngã -> Thanh nặng	27%	73%
5	Thanh hỏi -> Thanh ngã	36%	64%
6	Thanh sắc -> Thanh không	27%	73%
7	Thanh nặng -> Thanh huyền	22%	78%

Bảng 8 cho thấy, những thanh điệu tiếng Việt mà học viên Lào - Campuchia ít hoặc không mắc lỗi gồm có hai thanh (thanh không không có học viên nào mắc lỗi, thanh huyền chỉ có 3/100 học viên mắc lỗi). Số học viên mắc lỗi thanh ngã chiếm tỉ lệ cao nhất: 55%, sau đó đến thanh hỏi 36%, thanh sắc 27% và thanh nặng là 22%.

4.5.2. Giải pháp khắc phục lỗi

(i) Dạy thanh điệu bằng biểu đồ cao độ

Đây là phương pháp trực quan hóa thanh điệu bằng đường nét cao độ, giúp học viên hình dung rõ cách giọng nói di chuyển khi phát âm từng thanh.

Thanh	Kí hiệu mô tả	Đặc điểm
Ngang	—	ổn định, trung bình
Huyền	↘	rơi nhẹ
Sắc	↗	tăng cao
Hỏi	∨	gãy, xuống rồi lên
Ngã	~	gãy, lên rồi rung
Nặng	↓	rơi gấp, ngắt đột ngột

Ở hoạt động này, giáo viên sẽ giới thiệu biểu đồ, mô tả bằng tay gõ nhịp hoặc cơ thể hóa đường nét thanh. Học viên đọc theo nhịp - vẽ tay mô phỏng cao độ - thu âm - nghe lại. Có thể dùng bảng từ có kí hiệu cao độ để luyện tập tập trung. Cách làm này giúp học viên xây dựng hình dung rõ về đường âm học của từng thanh; Hạn chế nhầm lẫn thanh có nét gần nhau.

(ii) Luyện phân biệt từ có cùng dấu thanh

Giúp học viên rèn tai nghe ngữ điệu và phân xạ phát âm đúng qua việc đặt thanh điệu vào ngữ cảnh cụ thể. Mỗi câu chứa tập trung một loại thanh → học viên đọc - ghi âm - nghe lại - đối chiếu.

Câu chứa thanh ngang: Ví dụ: Tôi đi chơi Sa Pa hôm qua.

Câu chứa thanh huyền: Ví dụ: Bà Hà vừa về nhà mình hồi chiều.

Câu chứa thanh hỏi: Ví dụ: Bảo chỉ hỏi đôi mảnh vải đỏ.

Câu chứa thanh ngã: Ví dụ: Gã đã về kĩ lưỡng.

Câu chứa thanh sắc: Ví dụ: Hấn muốn nói với nó: hấn rất cố gắng.

Câu chứa thanh nặng: Ví dụ: Một chuyện thật tội nghiệp tại bệnh viện: chị bị đựng thật nặng.

4.5.2.3. Luyện đọc cụm - câu có phối hợp các thanh điệu

Học viên cần luyện chuyển thanh điệu linh hoạt khi nói nhiều từ liên tục, bởi khó khăn lớn nhất là duy trì thanh chính xác trong chuỗi nói tự nhiên.

Ngang - sắc - ngang: Ví dụ: không có chi, đi với tôi, xem máy bay, mua áo mưa,...

Sắc - ngang - sắc: Ví dụ: thấy anh ấy, tối hôm đó, mấy con chó, khó khăn đấy,...

Ngang - nặng - ngang: Ví dụ: đi chợ đêm, bưu điện xưa, viên kẹo to, nghiêng một bên,...

Nặng - ngang - nặng: Ví dụ: một con bọ, thịt ba rọi, chực viên kẹo, quẹo xe lại,...

Huyền - hỏi - sắc - ngã - ngang - nặng - huyền. Ví dụ: Bà bảo má hãy mua mại về.

Ngã - ngã - sắc - huyền - sắc - ngã - sắc - sắc - ngang. Ví dụ: Mỗi mã số đều có mã sắc khác nhau.

Học viên luyện phát âm theo quy trình: bắt đầu bằng việc đọc chậm và phát âm rõ ràng từng thanh, sau đó ghi âm lại, nghe và tự điều chỉnh lỗi phát âm bằng cách so sánh với mẫu chuẩn. Khi đã phát âm chính xác từng từ, học viên tiếp tục nối các cụm từ và chuyển sang cách đọc tự nhiên, có ngắt nhịp phù hợp. Hoạt động này không chỉ giúp học viên nâng cao khả năng điều phối cao độ mà còn góp phần phát triển ngữ điệu tự nhiên khi đọc những câu dài. Đồng thời, phương pháp này cũng giúp giảm hiện tượng “bằng hóa” - lỗi phổ biến khi nói nhanh khiến ngữ điệu trở nên đơn điệu, thiếu nhấn nhá.

(iii) Sử dụng công cụ hỗ trợ phát âm thanh điệu

Các công cụ công nghệ giúp học viên thị giác hóa độ cao, độ trầm và sự biến đổi cao độ khi nói, đặc biệt hữu ích đối với những người học chưa có nền tảng về âm học. Một số công cụ được khuyến nghị bao gồm: Pitch Analyzer - phân tích cao độ từ đoạn ghi âm; TonePerfect - ứng dụng luyện thanh điệu tiếng Việt có phản hồi thời gian thực; và Praat - phần mềm chuyên sâu thường dùng trong nghiên cứu ngữ âm. Cách sử dụng như sau: học viên đọc các từ mang thanh điệu khác nhau như “má”, “mã”, “mạ”... sau đó ghi âm và hiển thị đường cao độ. Học viên so sánh đường cao độ của mình với mẫu chuẩn từ giọng bản ngữ, phân tích các đoạn sai - cần lên hoặc xuống cao độ - rồi điều chỉnh và thử lại. Phương pháp này có nhiều ưu điểm: tạo phản hồi tức thì, trực quan hóa thanh điệu, phù hợp với người học theo phong cách thị giác hoặc yêu thích công nghệ, đồng thời nâng cao khả năng tự học và tự điều chỉnh ngoài lớp học.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích toàn diện thực trạng lỗi phát âm tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia đang theo học tại Học viện Quân y, dựa trên dữ liệu khảo sát 100 học viên. Kết quả cho thấy, phần lớn học viên mắc lỗi ở năm nhóm âm vị chính gồm: âm đầu, âm chính, âm đệm, âm cuối và thanh điệu. Trên cơ sở phân tích lý thuyết và dữ liệu thực nghiệm, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp khả thi gồm: giảng dạy đối chiếu ngữ âm, ứng dụng biểu đồ khẩu hình - cao độ, luyện tập cặp từ tối thiểu, sử dụng công nghệ (Elsa Speak, Praat, Audacity), tổ chức trò chơi ngôn ngữ và tăng cường phản hồi trong quá trình học. Những giải pháp này giúp học viên nâng cao nhận thức ngữ âm, hình thành thói quen phát âm chuẩn và cải thiện rõ rệt khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Xảo Bình (2004), *Lỗi sử dụng tiếng Việt của người Trung Quốc nhìn từ góc độ xuyên văn hóa*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
2. Cao Xuân Hạo (1962), “Về cách phân tích âm vị học một số vần mẫu có nguyên âm ngắn trong

- tiếng Việt”, *Thông cáo Khoa học*, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
3. Nguyễn Hưng Quốc (2014), *Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai*, Nxb Người Việt Books, Hoa Kỳ.
 4. Ngô Thị Tuyết, Lê Viên Lan Hương (2020), “Một số khó khăn và nguyên nhân mắc lỗi khi học phát âm tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, số 4, tr.65-70.
 5. Ngô Thị Tuyết, Lê Viên Lan Hương (2023), “Lỗi phát âm tiếng Việt thường gặp của học viên dự khóa Lào - Campuchia tại Học viện Quân y”, *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*, số 6, tr.42-52.
 6. Tongkeo Gitthavongsa (2016), *Thực trạng viết câu tiếng Việt mắc lỗi của du học sinh Lào ở Đại học Thái Nguyên*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Thái Nguyên.

Tiếng Anh

7. Allwright, D., & Bailey, K. M. (1991), *Focus on the Language Learner*. Cambridge University Press.
8. Brown, H. D. (2000), *Principles of Language Learning and Teaching* (4th ed.). Longman.
9. Corder, S. P. (1967), The Significance of Learners' Errors. *International Review of Applied Linguistics in Language Teaching*, 5(4), 161–170.
10. Dalton, C., & Seidlhofer, B. (1994), *Pronunciation*. Oxford University Press.
11. Richards, J. C., & Schmidt, R. (2002), *Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics* (3rd ed.). Pearson Education.
12. Ur, P. (1996), *A Course in Language Teaching: Practice and Theory*. Cambridge University Press.

Solutions to overcome common Vietnamese pronunciation errors of Lao and Cambodian students at Vietnam Military Medical University

Abstract: Learning Vietnamese pronunciation presents significant challenges for Lao and Cambodian students at the Military Medical Academy due to various factors, particularly the differences between the phonological systems of Vietnamese and their native languages. Pronunciation errors-such as those involving initial consonants, final consonants, tones, medial vowels, and nuclear vowels-severely affect oral communication and hinder learners from expressing their ideas accurately. Based on the analysis of the causes and manifestations of these pronunciation errors, this paper proposes several practical solutions that combine linguistic theory, technological applications, and innovative teaching methods. These solutions aim to help learners improve their pronunciation proficiency significantly, thereby enhancing both communicative effectiveness and overall learning outcomes.

Key words: solutions; Vietnamese pronunciation errors; Lao and Cambodian students; Vietnam Military Medical University.